TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49/2018/HS - ST
Ngày: 08 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:* Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định xét xử theo thủ tục rút gọn, công khai, sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị M - sinh ngày 20/7/1990 tại xã Xu, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông Phạm Văn H và bà Trịnh Thị D; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; có chồng là Trần Công M và 01 con sinh năm 2015; tiền án,tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2018, đến ngày 13/9/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

- *Bị hại*: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm 12B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người chứng kiến:* Ông Bùi Tiến S, sinh năm 1957; địa chỉ: nơi cư trú: Xóm 12B, xã Xuân K, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:*

Khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 11/9/2018, Phạm Thị M điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 18F1 - 162.74 đi qua khu vực đường liên xã thuộc xã X,

huyện X, tỉnh Nam Định. Khi đi đến khu vực xóm 12B, xã X, M phát hiện hiện cửa hàng bán đồ đồng của anh Bùi Văn C không có người trông coi, vắng người qua lại, M nhìn thấy có 01 chuông đồng đặt trên nền hiên của cửa hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền chi tiêu. M dừng xe ở đường dong gần đó, cách cửa hàng khoảng 5m rồi đi bộ quay lại cửa hàng xách 01 quả chuông ra vị trí để xe máy để tẩu thoát. Nhưng khi rời khỏi cửa hàng được hơn 2m thì M bị anh C phát hiện, bắt quả tang và đưa ngay lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã X để làm việc.

Ngay khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã đến Ủy ban nhân dân xã X tiến hành lập biên bản tiếp nhận người phạm tội qua tang, thu giữ 01 chuông đồng và 01 xe máy của Phạm Thị M.

Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X kết luận: 01 chuông đồng cao 60cm, phần rộng nhất 33cm, trọng lượng 20,4kg tại thời điểm chiếm đoạt, trị giá 5.712.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trên.

Quá trình điều tra Công an huyện X đã trả lại 01 chuông đồng cho anh Bùi Văn C. Hiện anh C không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Thị M.

Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 25/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố Phạm Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị M từ 9 -12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo mắc bệnh tâm thần đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chiếc xe mô tô bị cáo đi ngay từ đầu không có ý định trộm cắp tài sản, là tài sản chung vợ chồng bị cáo đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe mô tô này cho bị cáo.

Bị cáo không tự bào chữa và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp kết quả định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/9/2018, tại cửa hàng bán đồ đồng của anh Bùi Văn C (địa chỉ: Xóm 12B, xã Xuân K, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định), bị cáo Phạm Thị M đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc chuông đồng trị giá 5.712.000đ (Năm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng) của anh Bùi Văn C. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã hội đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng hành vi, nhận thức được việc mình làm nhưng vì thiếu tiền chi tiêu, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, ngay gữa ban ngày, khi nhìn thấy tài sản bị cáo đã nảy sinh chiếm đoạt tài sản của người khác, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật là đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị M chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo M phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hành vi trộm cắp của bị cáo chưa gây thiệt hại gì; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về việc làm của mình và được người bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ở địa phương bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Mặc khác bị cáo có chồng mắc bệnh tâm thần. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách phù hợp là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có chồng mắc bệnh tâm thần nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 18F1 – 162.74 là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo, xét thấy, ngay từ đầu bị cáo không có ý định điều khiển xe đi trộm cắp tài sản, do vậy, Hội đồng xét xử sẽ trả lại chiếc xe trên cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Bùi Văn C đã nhận lại chiếc chuông đồng bị chiếm đoạt. Nay anh C không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không cần xem xét, điều chỉnh.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị M bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án; "Bị cáo tạm giữ từ ngày 11/9/2018, đến ngày 13/9/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Giao bị cáo Phạm Thị M cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Phạm Thị M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại bị cáo Phạm Thị M 01 xe mô tô Biển kiểm soát 18F1 – 162.74;

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 01/THA ngày

02/10/2018 giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Bùi Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc Long